

XÁC LẬP LUẬN CỨ KHOA HỌC NHẪM HÀI HÒA MỐI QUAN HỆ GIỮA BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC VỚI SINH KẾ BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở CÁC KHU DỰ TRỮ SINH QUYỀN, VẬN DỤNG VÀO KHU DỰ TRỮ SINH QUYỀN CÙ LAO CHÀM - HỘI AN

Uông Đình Khanh¹, Lưu Thế Anh¹,
Lê Thị Thu Hiền¹, Lê Bá Biên¹, Vương Tấn Công²

¹Viện Địa lý, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

²Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Tóm tắt

Tác động của con người đến đa dạng sinh học dẫn đến sự phân hủy của hệ sinh thái được coi là căn cứ khoa học để xem xét về mối quan hệ hài hòa giữa bảo tồn đa dạng sinh học với phát triển sinh kế và kinh tế - xã hội. Luận cứ khoa học nhằm hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn đa dạng sinh học với phát triển sinh kế bền vững và phát triển kinh tế - xã hội được thiết lập dựa trên quan điểm: “Bảo tồn cho phát triển và Phát triển cho bảo tồn”; “Bảo tồn dựa vào cộng đồng” với cách tiếp cận chủ đạo là tiếp cận hệ sinh thái. Hiện tại, Khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm - Hội An đang phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức trong việc đảm bảo sự hài hòa này. Nguyên nhân tạo nên sự không hài hòa là những áp lực lên các hệ sinh thái và đa dạng sinh học do những bất cập trong công tác quản lý tài nguyên và bảo tồn đa dạng sinh học; do các hoạt động sinh kế của người dân địa phương. Dựa vào kết quả phân tích, đánh giá thực trạng và nguyên nhân sự không hài hòa đã đề xuất các giải pháp nhằm hài hòa mối quan hệ này.

Từ khóa: Bảo tồn đa dạng sinh học; Sinh kế; Kinh tế - xã hội; Hài hòa; Khu dự trữ sinh quyển

Abstract

Establish scientific foundation to harmonize the relationship among biodiversity conservation, sustainable livelihoods and socio - economic development in biosphere reerve areas - A case - study in Cu Lao Cham - Hoi An biosphere reserve

Human impact on biodiversity leading to ecosystem response is considered as a scientific basis for considering the harmonization of biodiversity conservation with livelihood development and socio - economic development. The scientific foundation to harmonize the relationship among biodiversity conservation, sustainable livelihood development and socio - economic development are established based on the viewpoint: “Conservation for development and development for conservation”; “Community - based conservation” with an ecosystem - based approach. Currently, Cu Lao Cham - Hoi An biosphere reserve has been facing many difficulties and challenges in ensuring this harmony. The reason of the non - harmony are the pressures on ecosystems and biodiversity due to livelihood activities of local people and the shortcomings in resources management and biodiversity conservation. This paper proposes some solutions to harmonize this relationship in Cu Lao Cham biosphere reserve based on the results of analysis and assessment of current situation the non - harmony causes.

Keywords: Biodiversity conservation; Livelihoods; Economy - society; Harmony; Biosphere reserve

1. Đặt vấn đề

Hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn đa dạng sinh học (ĐDSH) với sinh kế (SK) bền vững và phát triển kinh tế - xã hội (KT - XH) là một vấn đề phức tạp, mang tính chất đa lĩnh vực, đa ngành. E.P. Odum [12] cho rằng: những tác động của con người đến ĐDSH dẫn đến sự phản hồi của các loài nói riêng và các hệ sinh thái (HST) nói chung. Đây là cơ sở khoa học nhằm hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn ĐDSH với phát triển SK và KT - XH.

Khu dự trữ sinh quyển (KDTSQ) thế giới Cù Lao Chàm - Hội An về hành chính nằm trong xã Tân Hiệp (phần đảo) và các xã, phường thuộc thành phố Hội An (phần đất liền ven bờ). Ngày 26/5/2009 Cù Lao Chàm - Hội An đã chính thức được UNESCO công nhận là KDTSQ thế giới với tổng diện tích gần 33.737 ha. Hiện tại KDTSQ này đang phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức trong việc đảm bảo sự hài hòa giữa bảo tồn ĐDSH với SK bền vững và phát triển KT - XH.

Bài báo này trình bày kết quả xây dựng luận cứ khoa học nhằm hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn ĐDSH với SK bền vững và phát triển KT - XH ở KDTSQ và được vận dụng để phân tích, đánh giá mức độ hài hòa ở KDTSQ thế giới Cù Lao Chàm - Hội An.

2. Luận cứ khoa học nhằm hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn đa dạng sinh học với sinh kế bền vững và phát triển kinh tế - xã hội ở các khu dự trữ sinh quyển

2.1. Luận giải về mối quan hệ giữa bảo tồn đa dạng sinh học với hoạt động sinh kế và phát triển kinh tế - xã hội ở Khu dự trữ sinh quyển

Trước đây từng có những quan niệm sai lầm về công tác quản lý, bảo tồn ĐDSH ở các khu bảo tồn tự nhiên (BTTN).

Chúng ta cho rằng, các khu BTTN như một khu vực tách biệt với thế giới loài người nhưng trong thực tế con người vẫn không ngừng tác động theo chiều hướng tiêu cực vào thiên nhiên do áp lực phát triển KT - XH cả trong và ngoài các khu BTTN. Thực tế này đã diễn ra ở các khu BTTN của Việt Nam.

Xét trên phương diện thực tiễn, các khu BTTN cần có một số khu vực không có hoặc chịu rất ít tác động của con người với những quy định kiểm soát chặt chẽ, được gọi là “vùng lõi”. Đồng thời, cần có “vùng phục hồi sinh thái” và “vùng đệm” - yếu tố thúc đẩy phát triển kinh tế thân thiện với môi trường, phục vụ giáo dục môi trường và bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống. Các KDTSQ không chỉ là khu vực dành riêng cho hoạt động bảo tồn ĐDSH và HST tiêu biểu, mà còn là cơ sở cho phát triển KT - XH. Vì vậy, hài hòa giữa mục tiêu bảo tồn ĐDSH và phát triển sinh kế bền vững (SKBV) và KT - XH cho cộng đồng sống trong và xung quanh các KDTSQ là yêu cầu cần thiết, qua đó làm giảm bớt áp lực cho KDTSQ trong quá trình khai thác giá trị kinh tế của các HST tiêu biểu ở các KDTSQ.

Trước đây, trong bảo tồn ĐDSH, vai trò của cộng đồng địa phương bị coi nhẹ trong khi các HST ngày càng bị thay đổi dưới tác động của hoạt động SK và phát triển KT - XH. Tác giả Chambers R và cộng sự [9] SKBV của cộng đồng địa phương gắn với bảo tồn ĐDSH là một SK có thể đối phó và phục hồi từ những cú sốc để duy trì hoặc nâng cao vốn tài sản, đồng thời cung cấp những cơ hội SK cho các thế hệ tiếp theo ở địa phương và toàn cầu trong ngắn hạn và dài hạn. Mối quan hệ giữa hệ thống sinh thái tự nhiên và SK được hình dung trong bối cảnh mà cuộc sống con người cần được phát triển, nền văn hóa của con người vẫn duy trì nhưng

Nghiên cứu

ảnh hưởng của con người phải được giới hạn trong phạm vi nhất định để không làm phá hủy tính đa dạng và các chức năng hỗ trợ của các HST [10].

Những mô hình thành công từ các quốc gia trên thế giới cho thấy, bảo tồn ĐDSH đóng góp không nhỏ cho một địa phương và quốc gia. Các dạng tài nguyên thiên nhiên (TNTN) được khai thác một cách hiệu quả để vừa bảo tồn ĐDSH vừa tạo việc làm, tăng nguồn thu nhập cho cộng đồng địa phương. Các doanh nghiệp tư nhân và người dân sẵn sàng tự nguyện chi trả cho các dịch vụ HST như phí sử dụng nước sạch, phí tài nguyên,... Các nguồn thu từ thuế, phí dịch vụ sẽ được tái đầu tư cho các hoạt động bảo tồn ĐDSH. Khi chất lượng cuộc sống được cải thiện, ý thức người dân được nâng cao thì áp lực đối với các KDTSQ sẽ giảm.

Nhìn lại sự phát triển KT - XH trong suốt những thập niên 1970 và 1980 ở các nước kém phát triển, một câu hỏi được đặt ra là: làm thế nào để dung hòa được các hoạt động KT - XH của con người, đặc biệt là các hoạt động khai thác tài nguyên tự nhiên với tính dễ bị tổn thương của các HST? Câu trả lời cho vấn đề này được các nhà khoa học thống nhất: cần phải tạo nên sự hài hòa mối quan hệ giữa nhu cầu của con người để đảm bảo duy trì tăng trưởng kinh tế với nguồn vốn tự nhiên và cân bằng sinh thái [11].

Năm 1969, MAB/UNESCO đã đề xuất việc thành lập mạng lưới hợp tác giữa các VQG, KDTSQ trên toàn thế giới. Các chức năng cơ bản của mạng lưới này là: (i) Bảo tồn (đóng góp vào việc bảo tồn đa dạng di truyền, loài, HST và duy trì ĐDSH); (ii) Hỗ trợ (tạo điều kiện cho các hoạt động nghiên cứu và giám sát, giáo dục và trao đổi thông tin giữa các địa phương, quốc gia và quốc tế về bảo tồn và PTBV); (iii) Phát triển (kết hợp chặt chẽ

giữa bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế nâng cao mức sống người dân).

Tóm lại, để công tác bảo tồn ĐDSH đạt hiệu quả, cần phải quan tâm PTBV KT - XH, đặc biệt là phát triển SKBV cho cộng đồng sinh sống trong và xung quanh các KDTSQ, cần gắn trách nhiệm của cộng đồng địa phương, doanh nghiệp trong công tác bảo tồn. Vai trò của các chủ thể (nhà nước, doanh nghiệp, người dân) cần được xác định rõ trong kế hoạch quản lý các KDTSQ trên cơ sở một khung chia sẻ lợi ích được xác lập. Đây là giải pháp hữu hiệu nhất để giải quyết xung đột giữa mục tiêu bảo tồn với mục tiêu phát triển KT - XH và hoạt động SK của người dân địa phương.

2.2. Quan điểm và cách tiếp cận

• Quan điểm chủ đạo

Quan điểm chủ đạo trong công tác quản lý KDTSQ là: bảo tồn để phát triển và phát triển phục vụ bảo tồn. Hài hòa giữa mục tiêu bảo tồn ĐDSH và phát triển SKBV và KT - XH cho cộng đồng sống trong và xung quanh KDTSQ là yêu cầu cần thiết nhằm giảm bớt áp lực cho các KDTSQ, góp phần khai thác giá trị kinh tế của các HST tiêu biểu trong KDTSQ.

• Cách tiếp cận

Bài toán hài hòa giữa mục tiêu bảo tồn ĐDSH và phát triển SKBV và KT - XH cho cộng đồng sống trong và xung quanh KDTSQ là một bài toán tổng hợp, có tính chất đa lĩnh vực nên để giải quyết bài toán này cần thiết phải sử dụng nhiều cách tiếp cận khác nhau, trong đó tiếp cận HST được coi là cách tiếp cận chủ đạo nhất theo nhận định của Liên minh Quốc tế Bảo tồn Thiên nhiên và TNTN (IUCN) về quản lý HST [3].

Theo IUCN [3] tiếp cận HST là một chiến lược để quản lý tổng hợp đất, nước

và các dạng tài nguyên sinh học nhằm tăng cường bảo vệ và sử dụng chúng bền vững theo hướng công bằng. Tiếp cận HST được vận dụng nhằm tìm ra sự cân bằng giữa bảo vệ và sử dụng TNTN ở những vùng có nhiều người cùng tham gia khai thác.

Như vậy, tiếp cận hệ sinh thái trong quản lý ĐDSH là giải pháp quản lý tổng hợp các hợp phần trong HST cũng như các mối quan hệ qua lại giữa chúng với nhau nhằm thúc đẩy bảo tồn, sử dụng bền vững, chia sẻ công bằng lợi ích có được từ các nguồn tài nguyên đó và dịch vụ có được từ HST.

Ở Việt Nam khái niệm “Tiếp cận HST” đã được nghiên cứu và áp dụng trong các ngành lâm nghiệp, thủy sản và tại một số khu bảo tồn thiên nhiên như Vườn Quốc gia U Minh Hạ, KDTSQ Cần Giờ, phá Tam Giang - Cầu Hai,... Các hoạt động ở Cần Giờ và vùng đất ngập nước rừng tràm ở đồng bằng sông Cửu Long là những thí dụ điển hình về sử dụng phương pháp tiếp cận HST, cụ thể: giải quyết đồng bộ vấn đề bảo tồn, sự chia sẻ công bằng các lợi ích trong sử dụng các nguồn tài nguyên; các loại hàng hóa, dịch vụ đã được xác định; người dân địa phương được giao đất, giao rừng và quản lý các sản phẩm.

Tuy vậy, trong việc áp dụng phương pháp tiếp cận HST trong bảo tồn ĐDSH ở Việt Nam thường gặp những trở ngại, đó là sự tham gia của các bên trong việc lập kế hoạch và quản lý còn chưa đạt hiệu quả cao. Việc phân cấp và phối hợp giữa các ngành và các bên liên quan còn yếu do thiếu năng lực thực tế, do thiếu hụt những hiểu biết về chức năng của HST, thiếu hướng dẫn về cách thức sử dụng phương pháp tiếp cận HST như một công cụ để thực hiện lồng ghép quản lý ĐDSH vào các hoạt động phát triển.

2.3. Luận cứ khoa học nhằm hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn đa dạng sinh học với hoạt động sinh kế và phát triển kinh tế - xã hội ở Khu dự trữ sinh quyển

Trước thực trạng các HST bị phá hủy, ĐDSH bị suy giảm, sự biến mất của các loài sinh vật và các hệ lụy về môi trường sinh thái và KT - XH trên phạm vi toàn cầu, cộng đồng quốc tế đã quan tâm và kêu gọi đầu tư cho bảo tồn ĐDSH bằng một loạt các biện pháp nhằm đảm bảo an toàn cho các loài, các HST và các kho Gen. Ngày nay, bảo tồn ĐDSH đã trở thành một vấn đề chính trị liên quan đến toàn xã hội, nhận được sự đầu tư và quan tâm của nhiều quốc gia và tổ chức quốc tế, nhận được sự tham gia của các nhà quản lý và đông đảo giới khoa học. Mục đích của bảo tồn ĐDSH nhằm bảo vệ các loài, môi trường sống của chúng và các HST khỏi bị xóa bỏ hoặc xâm phạm quá mức [15, 16, 17]. Đây là vấn đề liên quan mật thiết với tập quán sản xuất, văn hóa bản địa, hoạt động SK và phát triển KT - XH, cũng như công tác quản lý các nguồn TNTN [13, 14].

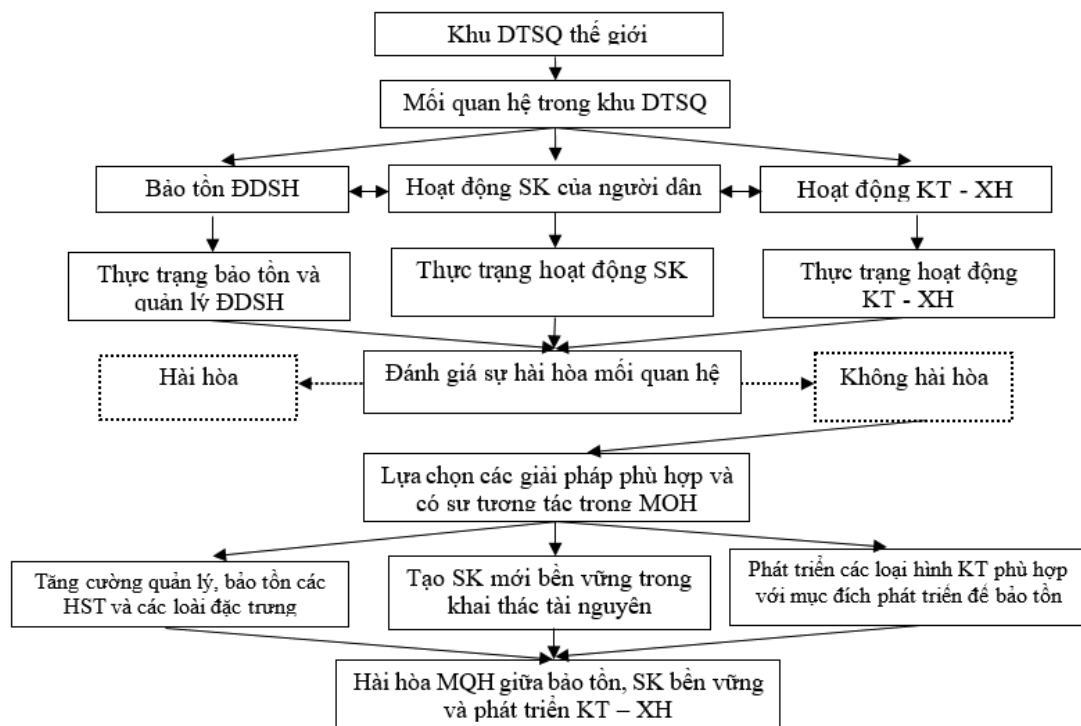
Kết quả nghiên cứu từ các công trình [13, 14, 15, 16, 17] cho thấy: các dạng tài nguyên thiên nhiên được khai thác một cách hiệu quả để vừa bảo tồn ĐDSH vừa tạo việc làm, tăng nguồn thu nhập cho cộng đồng địa phương thông qua thay đổi SK phụ thuộc vào tài nguyên sang các loại hình SK phi tài nguyên, thông qua các chia sẻ lợi ích và khuyến khích cộng đồng dân cư tham gia tích cực vào khai thác giá trị kinh tế của các HST. Không những thế, phát triển kinh tế sẽ góp phần nâng cao hiệu quả bảo tồn bởi kinh tế phát triển sẽ ổn định, cải thiện cuộc sống, đồng thời nâng cao trình độ nhận thức cho người dân. Khi chất lượng cuộc sống, ý thức người dân được nâng cao, áp lực đối với các KDTSQ sẽ giảm.

Nghiên cứu

Hiện nay trên thế giới và ở Việt Nam vấn đề hài hòa giữa bảo tồn và phát triển KT - XH đang được quan tâm. Quan điểm chủ đạo để thiết lập sự hài hòa là: “Bảo tồn cho phát triển và phát triển cho bảo tồn”; “Bảo tồn dựa vào cộng đồng”. Như vậy, để công tác bảo tồn ĐDSH đạt hiệu quả cần phải quan tâm PTBV KT - XH, đặc biệt là phát triển SKBV cho cộng đồng sinh sống trong và xung quanh các KBT. Vai trò của các chủ thể (nhà nước, doanh nghiệp, người dân) cần được xác

định rõ trong kế hoạch quản lý các KBT trên cơ sở một khung chia sẻ lợi ích được xác lập. Đây là giải pháp hữu hiệu nhất để giải quyết xung đột giữa mục tiêu bảo tồn với mục tiêu phát triển KT - XH và hoạt động sức khỏe của người dân địa phương.

Những luận cứ khoa học nêu trên là phù hợp để xây dựng các mô hình quản lý các HST và ĐDSH nhằm hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn ĐDSH với hoạt động sức khỏe và phát triển KT - XH ở KDTSQ Cù Lao Chàm - Hội An.



Hình 1: Sơ đồ khối về thiết lập luận cứ khoa học nhằm hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn ĐDSH, SKBV, phát triển KT - XH ở KDTSQ

3. Vận dụng luận cứ khoa học nhằm hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn đa dạng sinh học với sinh kế bền vững và phát triển kinh tế - xã hội ở khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm - Hội An

3.1. Khái quát về khu dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm - Hội An

Năm 2006, UBND tỉnh Quảng Nam ký quyết định thành lập Khu Bảo tồn biển (KBTB) Cù Lao Chàm. Ngày 26/5/2009,

tại Kỳ họp thứ 21 của Ủy ban Điều phối Quốc tế Chương trình Con người và Sinh quyển thế giới (MAB) diễn ra tại (Hà Nội), Cù Lao Chàm - Hội An đã chính thức được UNESCO công nhận là KDTSQ thế giới với tổng diện tích 33.737 ha. KDTSQ Cù Lao Chàm - Hội An thuộc quần đảo Cù Lao Chàm có tọa độ địa lý 15°15'20" - 15°15'15" vĩ độ Bắc; 108°23'10" kinh độ Đông, cách bờ biển Cửa Đại 15 km, cách trung tâm Khu phố

cổ Hội An 19 km về hướng Đông - Đông Bắc [7].

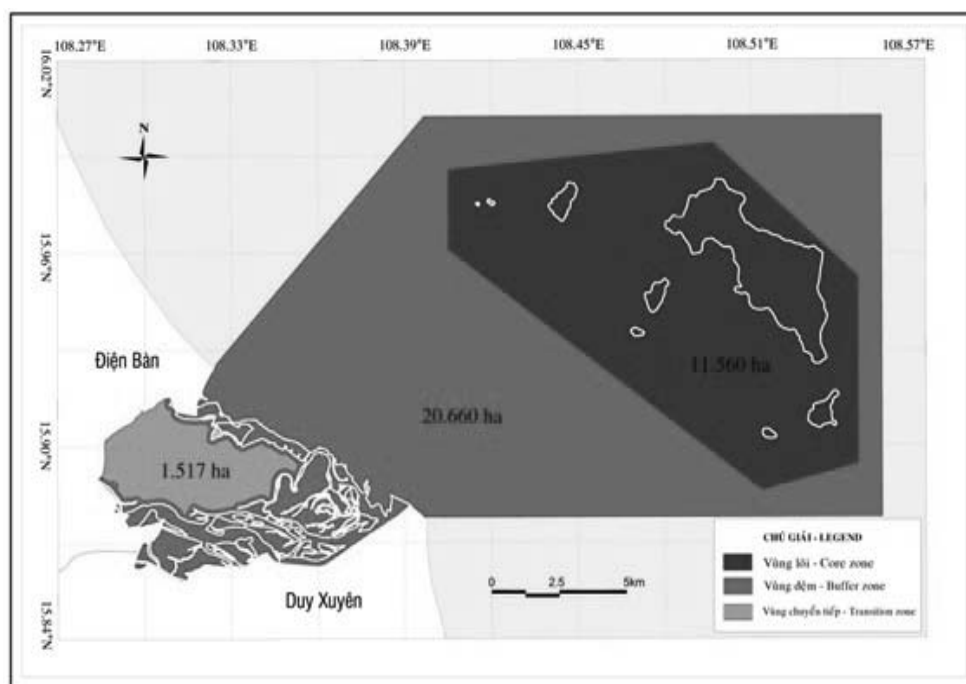
Phạm vi KDTSQ bao gồm toàn bộ diện tích phân đất liền của thành phố Hội An và phần biển được xác định từ các điểm giới hạn phân vùng Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm nối với các điểm ranh giới trong đất liền của Hội An, với tổng diện tích 33.737 ha. KDTSQ được phân thành 3 vùng chức năng như sau [4]:

a) Vùng lõi: Gồm toàn bộ những đảo nổi và các vùng chức năng (vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng phục hồi sinh thái, vùng phát triển, vùng khai thác hợp lý) trong phạm vi Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm (KBTB). Vùng lõi có diện tích 11.560 ha, là nơi thực hiện chủ yếu chức

năng bảo tồn.

b) Vùng đệm: Gồm phần biển bao xung quanh vùng lõi cùng với toàn bộ diện tích hệ thống sông, kênh rạch, ao hồ tự nhiên, vùng đất ngập nước tự nhiên, bãi biển thuộc thành phố Hội An với diện tích 20.660 ha. Nơi đây tập trung các hệ sinh thái quan trọng và có tương tác mật thiết với vùng lõi. Vùng đệm có vai trò rất quan trọng trong việc kiểm soát chất lượng nước trước khi ra biển và liên kết sinh thái giữa lục địa - đại dương.

c) Vùng chuyển tiếp: Là phần diện tích tự nhiên còn lại của Hội An với diện tích 1.517 ha, trong đó nổi bật là Khu Phố cổ Hội An - Di sản văn hóa thế giới, các làng nghề truyền thống đặc trưng.



Hình 2: Bản đồ phân vùng khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm - Hội An [4]

3.2. Đánh giá thực trạng mối quan hệ giữa bảo tồn đa dạng sinh học với hoạt động sinh kế và phát triển kinh tế - xã hội ở Khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm - Hội An

3.2.1. *Thực trạng khai thác, sử dụng tài nguyên và nguyên nhân gây suy thoái*

đa dạng sinh học ở Khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm - Hội An

Theo kết quả nghiên cứu của một số tác giả [1, 5, 6, 8] kể từ khi thành lập KBTB Cù Lao Chàm vào năm 2006 và được công nhận là KDTSQ thế giới Cù Lao Chàm - Hội An vào năm 2009 thực

Nghiên cứu

trạng khai thác, sử dụng tài nguyên, các hoạt động SK tuy đã được kiểm soát và quản lý song vẫn xảy ra những bất cập, gây nên sự suy thoái ĐDSH, đặc biệt là các HST và các loài đặc trưng, cụ thể:

- *Khai thác tài nguyên sinh vật quá mức và không hợp lý*

Tài nguyên sinh vật vùng biển Cù Lao Chàm và vùng cửa sông ven biển Hội An đang bị khai thác quá mức. Nguồn lợi thủy sản ngày càng cạn kiệt do khai thác bất hợp lý và sự gia tăng cường độ khai thác vùng ven bờ. Các hoạt động chặt phá rừng ngập mặn, đắp đầm nuôi, lấn chiếm dòng chảy... làm sạt lở bờ, gây suy thoái chất lượng môi trường nước, ảnh hưởng đến quá trình di cư, sinh sản của các loài sinh vật và làm thay đổi cấu trúc khu HST và quần xã thủy sinh vật, nguồn lợi thủy sản. Các hoạt động khai thác con giống và sinh vật non, các nghề cào te đã làm chết các thảm cỏ, làm mất nơi cư trú của thủy sinh vật [6].

- *Thực trạng hoạt động sinh kế của người dân*

Các hộ gia đình sử dụng các nguồn lực SK sẵn có để kiếm sống. Các hoạt động SK chính tại địa phương là sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ. Ở Cù Lao Chàm kinh tế của người dân chủ yếu dựa vào các nguồn tài nguyên biển. Tài nguyên rừng cũng được khai thác, nhưng chủ yếu bởi những cư dân nghèo trên đảo. Trong KDTSQ các nghề mới và SK thay thế tích cực phát triển khá mạnh như: sản xuất nước mắm, chế biến cá khô, nấu ăn du lịch, hướng dẫn du lịch,... Du lịch ngày nay được xem là nguồn thu nhập mới cho cư dân trên đảo. DLST phát triển đã và đang tạo cơ hội cho người dân cải thiện SK và nâng cao chất lượng cuộc sống. Lượng khách du lịch đến với Cù Lao Chàm - Hội An gia tăng

nh nhanh chóng. Năm 2015 có 392.650 lượt khách đến đảo Cù Lao Chàm - Vùng lõi của KDTSQ, thì năm 2016 con số này là 402.187 lượt khách (tăng khoảng 9,4%). Mặt khác, sự gia tăng lượng du khách đã gây sức ép đến các HST ở vùng lõi của KDTSQ [5].

- *Những áp lực của các hoạt động kinh tế - xã hội*

- Các hoạt động xây dựng ven bờ đảo Cù Lao Chàm, đặc biệt là bờ phía Tây đảo diễn ra mạnh mẽ. Việc nạo vét, hoạt động xây dựng cảng đã tạo ra số lượng lớn trầm tích trong khu vực xung quanh và điều này gây ra ảnh hưởng cho sự tồn tại của các rạn san hô nằm gần các khu vực xây dựng cảng.

- Phát triển công nghiệp: Vùng biển Cù Lao Chàm cũng chịu ảnh hưởng dòng chảy của sông Hàn ở phía Bắc và sông Thu Bồn ở phía Nam. Sự phát triển công nghiệp dọc theo các bờ sông cũng đang tăng lên kéo theo đó là xả thải vào môi trường cũng như trầm tích do xói mòn được sông mang ra cũng gây ra những vấn đề môi trường cho khu vực Cù Lao Chàm.

- Hoạt động của tàu bè: Mật độ tàu bè qua lại vùng biển Cù Lao Chàm cao gây tác động lên môi trường biển thông qua thả dầu, neo đậu tàu thuyền trên các rạn san hô.

3.2. Những biểu hiện về sự không hài hòa trong quan hệ giữa bảo tồn đa dạng sinh học với hoạt động sinh kế và phát triển kinh tế - xã hội ở Khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm - Hội An

- *Những khó khăn, thách thức trong việc đảm bảo các tiêu chí đối với một Khu dự trữ sinh quyển thế giới do UNESCO công nhận*

Theo báo cáo Tổng kết hoạt động của Ban quản lý (BQL) KDTSQ Thế giới Cù Lao Chàm - Hội An [1], hiện tại ở

KDTSQ này đang phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức trong việc đảm bảo các tiêu chí đối với một KDTSQ thế giới, đó là:

- Hầu hết các HST đang chịu sức ép tương đối lớn từ phát triển du lịch và các công trình xây dựng cơ bản. Mức độ đe dọa đến HST và các loài đặc trưng còn ở mức cao. Do chưa có báo cáo tổng hợp về sự thay đổi của các HST và danh mục các loài đặc trưng của KDTSQ trong giai đoạn từ trước và sau khi được công nhận nên rất khó có một đánh giá đầy đủ.

- Sau 9 năm được công nhận, hầu như chưa có nghiên cứu chính thức nào tiến hành kiểm kê, đánh giá và đề xuất các giải pháp bảo tồn đối với HST và tính ĐDSH rừng Cù Lao Chàm. Hiện tại, vấn đề liên quan đến chủ rừng đặc dụng tại Cù Lao Chàm vẫn chưa xác định, gây khó khăn cho việc quản lý, bảo vệ và phát triển rừng tại vùng lõi KDTSQ.

- Các loại hình du lịch, bao gồm cả DLST cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro, thậm chí đã gây nhiều đe dọa lên TNTN nói chung và ĐDSH nói riêng, khi số lượng du khách quá đông, gây quá tải và đặt gánh nặng về quản lý và xử lý ô nhiễm. Một số hoạt động lặn biển cũng tạo nguy cơ làm gãy nát và chết san hô. Bên cạnh đó, do lượng khách lớn dẫn đến tiêu thụ nhiều đặc sản, đã tạo áp lực đến khai thác nguồn lợi thủy sản, đặc biệt trong vùng lõi của KDTSQ.

- Sự phân chia ranh giới các vùng chức năng không căn cứ theo địa giới hành chính mà theo cách tiếp cận HST nên đã gây khó khăn cho công tác quản lý.

• *Những áp lực lên các HST và và ĐDSH là những biểu hiện về sự không hài hòa trong mối quan hệ giữa bảo tồn ĐDSH với hoạt động SK và phát triển KT - XH*

- Áp lực lớn đối với KDTSQ Cù Lao Chàm là hiện tượng khai thác cạn kiệt

nguồn lợi TNTN tại quần đảo này. Việc khai thác các đối tượng tài nguyên như tôm Hùm, cua Đá, ốc Vú nàng,... đã và đang xảy ra hết sức nghiêm trọng, làm biến mất của một số loài như Bào ngư, Đồi môi, Ốc xa cừ. Sự xâm phạm các vùng sinh cảnh quan trọng như rạn san hô, thảm cỏ biển, bãi biển thông qua các hoạt động như neo đậu tàu thuyền, đánh bắt giã cào, du lịch hoặc đổ rác bừa bãi vẫn diễn ra. Bên cạnh đó, hoạt động neo đậu tàu thuyền, hoạt động của các tàu thuyền du lịch, làm đường quốc phòng trên đảo cũng trực tiếp hoặc gián tiếp ảnh hưởng đến vùng rạn.

- SK của cộng đồng dân cư trên đảo đang là mối đe dọa trực tiếp đến một số loài và sinh cảnh trong KDTSQ. Dân cư địa phương chủ yếu khai thác hải sản gần bờ và tập trung ở các vùng rạn đã gây những thiệt hại trực tiếp đến rạn san hô.

- Hoạt động du lịch đã và đang gây ra những áp lực đối với việc khai thác tài nguyên ở KDTSQ, nhất là việc gia tăng lượng du khách. Đây là mối đe dọa khá lớn đến công tác bảo tồn mặc dù hoạt động du lịch mang lại lợi nhuận cho các hộ gia đình. Ví dụ: số lượng quần thể cua Đá trên quần đảo Cù Lao Chàm giảm mạnh kể từ khi có khách du lịch đến đảo. Cua Đá bị khai thác cả vào mùa sinh sản và cả những con mang trứng để bán cho khách du lịch.

- Phát triển du lịch với quy mô càng lớn sẽ càng gây áp lực và đe dọa cho KDTSQ trên mọi phương diện, từ suy giảm nguồn lợi hải sản, cảnh quan thiên nhiên có thể bị phá vỡ. Các sinh cảnh quan trọng như rạn san hô, thảm cỏ biển có thể bị suy thoái, kéo theo các cộng đồng sinh vật sinh sống kèm theo như cá, tôm có thể bị kiệt quệ.

- Ô nhiễm môi trường do nước thải, rác thải ở Cù Lao Chàm đang là một vấn

Nghiên cứu

đề lớn có tính bức xúc. Theo các số liệu khảo sát, hàng ngày có khoảng 1 tấn rác thải được thải ra trên đảo, trong đó phần lớn là rác hữu cơ nhưng trên đảo không có bãi đổ nên phải đem chôn ở bãi biển, hoặc đổ xuống biển hoặc trên núi [8].

3.3. Đề xuất các giải pháp nhằm hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn đa dạng sinh học với hoạt động sinh kế và phát triển kinh tế - xã hội ở Khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm - Hội An

3.3.1. Giải pháp điều chỉnh quy hoạch

1) Điều chỉnh định hướng phát triển kinh tế - xã hội xã Tân Hiệp theo quy hoạch chung của thành phố Hội An đến năm 2020

Để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, bảo vệ và phát huy tốt các giá trị văn hóa, lịch sử, các nguồn TNTN quý giá của Cù Lao Chàm, tiếp tục cải thiện và nâng cao hơn nữa đời sống vật chất, tinh thần của người dân xã đảo, UBND TP Hội An đã xác định một số biện pháp, giải pháp về định hướng phát triển KT - XH của xã đảo nằm trong chiến lược phát triển chung của TP như sau [5]:

- Về quy hoạch: Theo đồ án quy hoạch chung của TP. Hội An đến năm 2020 đã được phê duyệt, trong tương lai, xã Tân Hiệp sẽ phát triển theo hướng là một vùng DLST biển đảo, trong đó kinh tế dịch vụ - du lịch - thương mại sẽ trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong cơ cấu kinh tế chung của địa phương.

- Về phát triển kinh tế: Trên cơ sở quy hoạch, TP. Hội An sẽ tiếp tục kêu gọi đầu tư các dự án du lịch ở các khu vực cho phép phát triển trên địa bàn xã Tân Hiệp. Xây dựng và ban hành các cơ chế khuyến khích, hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng; hình thành các tour, tuyến tham quan du lịch trên đảo; hướng dẫn, bồi dưỡng cho người dân các kiến thức cơ bản về kinh

doanh dịch vụ du lịch, về bảo vệ môi trường, bảo vệ TNTN và tài nguyên nhân văn trên địa bàn để người dân thuận lợi hơn và tích cực tham gia cùng với nhà nước trong phát triển kinh tế, thực hiện nhiệm vụ bảo tồn.

- Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng: Bên cạnh sự đầu tư từ ngân sách Thành phố, sẽ tích cực kêu gọi, tranh thủ các nguồn vốn đầu tư của Tỉnh, Trung ương để từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng ở xã đảo Tân Hiệp, nhất là vấn đề nguồn điện và nguồn nước sinh hoạt. Tiếp tục thực hiện việc quy hoạch, chỉnh trang và sắp xếp lại các khu dân cư cũ, các cụm dân cư mới đảm bảo khang trang, mỹ quan hơn. Trên cơ sở quy hoạch và định hướng phát triển kinh tế của TP. Hội An và xã Tân Hiệp, UBND Thành phố sẽ ban hành quy chế về quản lý kiến trúc, cảnh quan trên địa bàn xã đảo, trong đó quy định cụ thể về kiến trúc, cảnh quan, các quy định về xây dựng công trình, độ cao, mật độ xây dựng ở từng khu vực thích hợp tạo cơ sở cho công tác quản lý cảnh quan.

- Phát triển du lịch ở Cù Lao Chàm - Hội An đang thu hút lượng lớn khách du lịch. Vì vậy, du lịch sẽ mang lại cơ hội lớn để Cù Lao Chàm phát triển việc tìm kiếm các nguồn thu nhập thay thế. Thực tế cho thấy, nếu quản lý không hiệu quả thì du lịch chỉ mang lại việc làm cho một số ít người dân ở Cù Lao Chàm. Hầu hết người dân ở Cù Lao Chàm sống bằng nghề đánh cá và không hiểu biết cũng như không có kỹ năng về kinh doanh, phát triển du lịch nên việc lập kế hoạch phát triển du lịch cụ thể tại các khu vực khác nhau phải phù hợp với chương trình du lịch tổng thể cho Cù Lao Chàm để mọi người dân có thể tham gia các hoạt động du lịch để tăng thêm thu nhập.

2) Điều chỉnh phân vùng chức năng Khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm - Hội An

Theo báo cáo của BQL KDTSQ Cù Lao Chàm - Hội An, kể từ khi được UNESCO công nhận vào năm 2009 với nỗ lực thực hiện công tác bảo tồn nên về tổng thể tính ĐDSH của KDTSQ Cù Lao Chàm - Hội An không có nhiều thay đổi. Tuy nhiên, tại khu vực Bãi Ông trên đảo Cù Lao Chàm do tác động của tàu thuyền, du khách và trầm tích đã làm mất hoàn toàn 20 ha diện tích thảm cỏ biển. Vì vậy, BQL KDTSQ Cù Lao Chàm - Hội An đang có kế hoạch điều chỉnh phân vùng chức năng, nói rộng diện tích phân vùng bảo vệ nghiêm ngặt để thực hiện mục tiêu phục hồi quần thể rùa biển, kèm theo phục hồi các HST khác, trong đó có thảm cỏ biển.

3.3.2. Giải pháp liên quan đến công tác quản lý

1) Tăng cường áp dụng, thực thi Quy chế quản lý KDTSQ Cù Lao Chàm - Hội An.

- Tập trung thực hiện có hiệu quả Cơ chế tài chính; Khung chia sẻ lợi ích; Bộ chỉ thị giám sát ĐDSH; Phát triển nguồn nhân lực, điều kiện về tài chính và các nguồn lực khác nhau.

- Thực hiện có hiệu quả về trách nhiệm của các bên có liên quan trong công tác quản lý.

- Xử lý nghiêm theo đúng pháp luật các hoạt động trong KDTSQ trái với Quy chế quản lý.

2) Mở rộng phạm vi hoạt động ra khỏi địa giới TP. Hội An.

Theo kết quả xây dựng quy chế quản lý KDTSQ Cù Lao Chàm - Hội An, phạm vi KDTSQ bao gồm toàn bộ diện tích phần đất liền của TP. Hội An và phần biển được xác định từ các điểm giới hạn phân vùng KBTB Cù Lao Chàm nối với các điểm ranh giới trong đất liền của Hội An. Việc vận hành quản lý, vận hành điều hòa hoạt động trong KDTSQ được thực hiện theo

hướng tiếp cận HST, tiếp cận quản lý tổng hợp vùng bờ, tiếp cận quản lý lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn, quản lý thích ứng và theo mô hình tư duy hệ thống - quy hoạch cảnh quan - điều phối liên ngành - kinh tế chất lượng (SLIQ). Vì vậy, KDTSQ sẽ chủ động mở rộng phạm vi hoạt động ra khỏi địa giới TP. Hội An để phù hợp với các cách tiếp cận như trên [1].

3) Điều chỉnh chức năng bảo tồn các HST theo ranh giới của các phân vùng

Theo quy chế quản lý KDTSQ được ban hành vào tháng 5/2015 các phân vùng chức năng của KDTSQ được phân định rõ ràng. Sự phân chia ranh giới các phân vùng không căn cứ theo địa giới hành chính mà theo cách tiếp cận HST nên đã gây những khó khăn cho công tác quản lý [1].

4) Giải pháp điều tra, tổng hợp về sự thay đổi của các hệ sinh thái đặc trưng

Các HST quan trọng, đặc trưng của KDTSQ như: HST rạn san hô; HST thảm cỏ biển; HST thảm rong biển; HST rừng ngập mặn; HST vùng cửa sông; HST đất ngập nước; HST triều bờ đá; HST bãi biển,... đã được các cơ quan chuyên môn cùng các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức khoa học xác định. Do áp lực của việc khai thác TNTN nên các HST đặc trưng này đang bị đe dọa ở mức độ khá cao. Trước thực tế này, cần thiết phải tiến hành khảo sát một cách đầy đủ về tính ĐDSH, các HST đặc trưng và thành phần loài của chúng để phục vụ tốt hơn cho công tác bảo tồn ĐDSH ở KDTSQ Cù Lao Chàm - Hội An.

3.3.3. Giải pháp áp dụng các mô hình phù hợp trong khai thác tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học

Hiện tại ở KDTSQ Cù Lao Chàm - Hội An đã hình thành và triển khai một số mô hình bảo tồn ĐDSH và mô hình hoạt động SK của người dân. Tuy nhiên,

Nghiên cứu

bên cạnh những thành công trong việc áp dụng các mô hình này còn có những điểm bất cập liên quan đến công tác quản lý bảo tồn ĐDSH cũng như đảm bảo tính bền vững của các SK.

Để tăng cường hiệu quả trong công tác quản lý bảo tồn ĐDSH và giảm thiểu những vướng mắc đang tồn tại trong hoạt động SK của người dân, cần thiết phải tiếp tục nghiên cứu đề xuất và áp dụng các mô hình phù hợp trong khai thác, quản lý TNTN và ĐDSH ở KDTSQ Cù Lao Chàm - Hội An. Dưới đây là một số các mô hình cần được nghiên cứu để áp dụng trong thời gian tới:

- Các mô hình quản lý TNTN và bảo tồn ĐDSH dựa vào cộng đồng.

- Các mô hình tái tạo và phục hồi TNTN, ĐDSH.

- Các mô hình chuyển đổi SK dựa vào tài nguyên, phụ thuộc vào tài nguyên sang mô hình SKBV phi tài nguyên.

- Các mô hình phát triển các sản phẩm du lịch (DLST, DL nghỉ dưỡng, DL văn hóa,...) ở vùng đệm và vùng chuyên tiếp.

- Các mô hình liên kết bền vững Cù Lao Chàm - Hội An - Mỹ Sơn,... để giảm áp lực lên vùng lõi của KDTSQ Cù Lao Chàm - Hội An.

4. Kết luận

Bài toán hài hòa giữa mục tiêu bảo tồn ĐDSH và phát triển SKBV và KT - XH cho cộng đồng sống trong và xung quanh KDTSQ là một bài toán tổng hợp, có tính chất đa lĩnh vực, đa ngành. Quan điểm chủ đạo để thiết lập sự hài hòa là: “Bảo tồn cho phát triển và phát triển cho bảo tồn”; “Bảo tồn dựa vào cộng đồng”. Trong số các cách tiếp cận thì tiếp cận HST trong quản lý ĐDSH được coi là cách tiếp cận chủ đạo nhất.

Luận cứ khoa học nhằm hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn ĐDSH với phát triển SKBV và phát triển KT - XH đã được xác lập và được vận dụng để đề xuất các giải pháp nhằm hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn ĐDSH với phát triển SKBV và phát triển KT - XH ở KDTSQ Cù Lao Chàm - Hội An.

Thực trạng mức độ hài hòa giữa bảo tồn ĐDSH với phát triển SKBV và phát triển KT - XH ở KDTSQ Cù Lao Chàm - Hội An được phân tích dựa trên những kết quả đánh giá về thực trạng quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên; thực trạng SK và đánh giá các tác động tiêu cực và các áp lực của hoạt động phát triển KT - XH lên tài nguyên và bảo tồn ĐDSH. Nguyên nhân tạo nên sự không hài hòa trong mối quan hệ giữa bảo tồn ĐDSH với hoạt động SK và phát triển KT - XH là những áp lực lên các HST và ĐDSH do những bất cập trong công tác quản lý tài nguyên và bảo tồn ĐDSH; do các hoạt động SK của người dân địa phương.

Dựa vào kết quả phân tích, đánh giá thực trạng và nguyên nhân sự không hài hòa đã đề xuất các giải pháp nhằm hài hòa mối quan hệ này. Các giải pháp bao gồm: Điều chỉnh định hướng phát triển KT - XH xã đảo Tân Hiệp phù hợp với chiến lược phát triển chung của TP. Hội An; Tăng cường áp dụng, thực thi Quy chế quản lý KDTSQ Cù Lao Chàm - Hội An; Tiếp tục nghiên cứu đề xuất và áp dụng các mô hình phù hợp trong khai thác TNTN và ĐDSH; Nghiên cứu áp dụng, triển khai các kết quả của các đề tài, dự án khoa học công nghệ vào thực tế quản lý, bảo tồn và khai thác bền vững giá trị tài nguyên trong KDTSQ Cù Lao Chàm - Hội An.

Lời cảm ơn: Bài báo này là kết quả của đề tài “Luận chứng khoa học nhằm hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn đa

dạng sinh học với sinh kế bền vững và phát triển kinh tế - xã hội ở khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm - Hội An” mã số ĐTDL.XH.02/16.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Ban quản lý Khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm - Hội An (2018). *Tổng kết hoạt động năm 2018 và định hướng hoạt động giai đoạn 2019 - 2020 của Khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm - Hội An*, Tuyển tập Hội thảo: Tổng kết năm 2018 và định hướng hoạt động LIMA - triển khai nhân sinh thái tại các Khu sinh quyển thế giới của Việt Nam, TP. Biên Hòa, 2018.

[2]. Cổng thông tin điện tử xã Tân Hiệp, thành phố Hội An.

[3]. IUCN (2008). *Hướng dẫn quản lý Khu BTTB: Một số kinh nghiệm và bài học quốc tế*. Hà Nội, Việt Nam.

[4]. UBND thành phố Hội An (2015). *Quy chế quản lý Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm - Hội An*. Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2015/QĐ-UBND ngày 25/05/2015.

[5]. Ưông Đình Khanh và nnk, (2016). *Phân tích các áp lực từ hoạt động khai thác, sử dụng quá mức tài nguyên Khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm - Hội An*. Báo cáo chuyên đề thuộc đề tài Luận cứ khoa học nhằm hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn đa dạng sinh học với sinh kế bền vững và phát triển kinh tế - xã hội ở KDTSQ Cù Lao Chàm - Hội An, mã số ĐT ĐL.XH – 02/16.

[6]. Trần Quang Kiên (2007). *Bảo vệ đa dạng sinh học biển Cù Lao Chàm, góp phần xây dựng thành công các khu bảo tồn biển ở Việt Nam*. Kỷ yếu Cù Lao Chàm: Vị thế - tiềm năng và triển vọng. Trung tâm Quản lý bảo tồn di tích thuộc UBND thị xã Hội An

[7]. Chu Mạnh Trinh (2007). *Cù Lao Chàm: San hô và đa dạng sinh học biển*. Kỷ yếu Cù Lao Chàm: Vị thế - tiềm năng và triển vọng. Trung tâm Quản lý bảo tồn di tích thuộc UBND thị xã Hội An

[8]. Chu Mạnh Trinh (2011). *Đông quản lý tài nguyên và môi trường tại khu bảo tồn*

biển Cù Lao Chàm, tỉnh Quảng Nam. Tạp chí Khoa học và Công nghệ biển T11 (2011). Số 2. Tr 79 - 95.

[9]. Chambers R. and Conway G.R (1992). *Sustainable rural livelihoods: Practical concept for the 21st Century*. Institute of Development Studies, Discussion Paper 296, London.

[10]. Costanza R., Daly H. and Bartholomew J (1991). *Goals, agenda and policy recommendations for ecological economics*. In *Ecological economics: The science and management of sustainability*. Columbia University Press, New York.

[11]. Christopher S. Sneddon (2000). *Sustainability in ecological economics, ecology and livelihoods: a review*. Progress in Human Geography, Vol. 24, No. 4, pp. 521-549.

[12]. Odum E.P, (1971). *Fundamentals of Ecology*. W.B. Saunders Company.

[13]. Fred Van Dyke (2008). *Conservation Biology: Foundations, Concepts, Applications*. Springer Verlag.

[14]. Meffe, Gary K.; Martha J. Groom (2006). *Principles of conservation biology*. Sunderland, Mass: Sinauer Associates.

[15]. Soule ME; Soule, Michael E (1986). *What is conservation biology*. American Institute of Biological Sciences, Vol. 35, Iss. 11, pp. 727-34.

[16]. Sahney S. and Benton M.J (2008). *Recovery from the most profound mass extinction of all time*. Proceedings of the Royal Society: Biological, Vol. 275, Iss. 1636, pp. 759-65.

[17]. Wilcox Bruce A., Soulé, Michael E (1980). *Conservation biology: an evolutionary-ecological perspective*. Sunderland, Mass: Sinauer Associates.

BBT nhận bài: 04/3/2019; Phản biện
xong: 14/3/2019